

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2017/HNGĐ -ST

Ngày: 10 tháng 5 năm 2017

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: Võ Chi Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Lê Thanh Nghị.

Ông: Nguyễn Thanh Phong.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký
Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên
tòa:* Bà: Trần Thị Tám – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 355/2016/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2016 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2017/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngô Thị Bửu Q, sinh năm 1986. (có mặt).

Địa chỉ: khu phố H, phường N, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Lê Minh L, sinh năm 1985. (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN THẤY:

** Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 12 năm 2016, tại bản tự khai ngày 08 tháng 3 năm 2017 và tại phiên tòa hôm nay chị Ngô Thị Bửu Q là nguyên đơn trình bày: chị và anh L cưới với nhau năm 2006, được Ủy ban nhân dân xã L, thị xã G cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2006. Thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính và không cùng quan điểm trong việc nuôi dạy con chung. Nay, tình cảm không khả năng hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:*

Về hôn nhân: chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: anh chị có 02 người con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2007; Lê Ngọc Kim T, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2012. Hiện các

cháu đang sống với chị; khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi và yêu cầu anh L cấp dưỡng mỗi tháng là $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu của Nhà nước quy định tương ứng với từng thời điểm.

Về tài sản chung: không tranh chấp và nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng và quan điểm:
Căn cứ vào khoản 3 Điều 27 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân; các điều 22, 26, 35, 46, 48, 49, 51, 70, 71, 72, 73, 96, 97, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 227, 228, 234 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án và đương sự tuân theo quy định của pháp luật (trừ anh Lê Minh L). Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình xử chấp yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Bửu Q.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về thủ tục tố tụng:** chị Q khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh L là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh L đã được Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16 tháng 01 năm 2017 cùng giấy triệu tập dự hòa giải, Thông báo phiên hòa giải ngày 15 tháng 3 năm 2017 cùng giấy triệu tập dự hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 12 tháng 4 năm 2017 nhưng vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

- Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa chị Q với anh L là tự nguyện; được Ủy ban nhân dân xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2006 là hợp pháp. Chị Q yêu cầu được ly hôn với anh L là do tính tình không hợp.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án để anh có ý kiến về việc ly hôn nhưng vẫn không có ý kiến phản đối. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì lời trình bày lý do ly hôn của chị Q là có cơ sở.

Từ nhận định trên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị Q yêu cầu ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

2. Về nuôi con chung: anh chị có 02 người con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2007; Lê Ngọc Kim T, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2012. Hiện các cháu đang sống với chị; khi ly hôn, chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi

và yêu cầu anh L cấp dưỡng mỗi tháng là $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu của Nhà nước quy định tương ứng với từng thời điểm. Hội đồng xét xử xét thấy, thời gian ly thân 02 người con chung do chị Q trực tiếp nuôi đã đảm bảo việc học tập và sinh hoạt hàng ngày cũng như phù hợp nguyện vọng của cháu Tiến nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3. Về tài sản chung: không tranh chấp và nợ chung: không có. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Q chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các điều 28, 35, 39, 92, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;
- Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Bửu Q:

1. Về hôn nhân: chị Ngô Thị Bửu Q được ly hôn với anh Lê Minh L.
2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Ngô Thị Bửu Q được trực tiếp nuôi 02 người con chung tên: Lê Minh T, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2007; Lê Ngọc Kim T, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2012.

Buộc anh Lê Minh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 người con chung là Lê Minh T, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2007; Lê Ngọc Kim T, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2012 mỗi tháng cho mỗi người con chung là $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu của Nhà nước quy định tương ứng với từng thời điểm cấp dưỡng. (mức lương tối thiểu hiện nay là 605.000 đ/ tháng (*sáu trăm lẻ năm nghìn đồng*)/tháng).

Thời gian cấp dưỡng là ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 người con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Ngô Thị Bửu Q có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Lê Minh L chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng anh Lê Minh L phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Trong trường hợp cần thiết thì chị Ngô Thị Bửu Q và anh Lê Minh L có quyền thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: không tranh chấp.
4. Về nợ chung: không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Chị Ngô Thị Bửu Q chịu 200.000 đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đ (*hai trăm nghìn đồng*) mà chị Ngô Thị Bửu Q đã tạm ứng án phí tại biên lai số 41541 ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Ngô Thị Bửu Q đã nộp đủ án phí.

- Anh Lê Minh L chịu 200.000 đ (*hai trăm nghìn đồng*).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Ngô Thị Bửu Q có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh Lê Minh L có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã G;
- Dương sự;
- Ủy ban nhân dân xã L, thị xã G;
- Lưu hs, án văn.

VÕ CHI LAN